BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ **HỌC VIỆN** **CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 134/TB-HVCSPT	*Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022*

THÔNG BÁO

V/v thời khóa biểu và lịch đăng ký tín chỉ học kỳ I, đợt học 1 năm học 2022 – 2023 các khóa 10, 11, 12

Căn cứ vào Chương trình đào tạo và Kế hoạch học tập năm học 2022 – 2023;

Học viện Chính sách và Phát triển thông báo:

1. Thời khóa biểu:

Thời khóa biểu học kỳ I năm học 2022 – 2023, đợt học 1 đối với sinh viên các khóa 10, 11, 12 chi tiết theo *file đính kèm*.

Các lớp Quy đổi điểm Tiếng Anh, Quy đổi điểm Tin học được mở đăng ký sau theo thông báo của Học viện.

2. Thời gian giảng dạy:

- Lịch Thời khóa biểu Khóa 12: 08 tuần từ ngày 29/08/2022 đến ngày 23/10/2022;
- Lịch Thời khóa biểu Khóa 10, Khóa 11: 09 tuần từ ngày 22/08/2022 đến ngày 23/10/2022,

Cụ thể tiết học như sau:

BUỔI SÁNG	BUỔI CHIỀU
Tiết 1: Từ 07h30 đến 08h20	Tiết 6: Từ 13h00 đến 13h50
Tiết 2: Từ 08h25 đến 09h15	Tiết 7: Từ 13h55 đến 14h45
Tiết 3: Từ 09h20 đến 10h10	Tiết 8: Từ 14h50 đến 15h40
Tiết 4: Từ 10h15 đến 11h05	Tiết 9: Từ 15h45 đến 16h35
Tiết 5: Từ 11h10 đến 12h00	Tiết 10: Từ 16h40 đến 17h30

3. Lịch đăng ký tín chỉ

- Học viện đã đăng ký mặc định các học phần bắt buộc cho Sinh viên Khóa 10, 11, 12. Sinh viên có trách nhiệm kiểm tra kết quả đăng ký học trên trang www.tinchi.apd.edu.vn. Sinh viên tự chịu trách nhiệm về việc tự hủy các học phần được Học viện đăng ký học mặc định.

- Sinh viên đăng ký bổ sung, hoặc thay đổi lịch học theo đúng thời gian thông báo của Học viện. Cần tham khảo ý kiến của CVHT trước khi đăng ký hoặc thay đổi lịch học.

- Sinh viên Khóa 10 hệ đại trà và Chất lượng cao đăng ký các lớp học phần thuộc Thời khoá biểu Khoá 10: Từ 20h00 thứ 4 ngày 17/08/2022 đến 20h00 thứ 5 ngày 18/08/2022.

- Sinh viên Khóa 11 hệ đại trà và Chất lượng cao đăng ký các lớp học phần thuộc Thời khoá biểu Khoá 11: Từ 21h00 thứ 4 ngày 17/08/2022 đến 20h00 thứ 5 ngày 18/08/2022.

- Sinh viên Khóa 12 hệ đại trà và Chất lượng cao đăng ký các lớp học phần thuộc Thời khoá biểu Khoá 12: Từ 22h00 thứ 4 ngày 17/08/2022 đến 20h00 thứ 5 ngày 18/08/2022.

- Hệ thống mở cho sinh viên các khóa 9 trở về trước, Khóa 10, 11, 12 đăng ký liên thông: Từ 21h00 thứ 5 ngày 18/08/2022 đến 12h00 thứ 6 ngày 19/08/2022.

4. Thời gian xử lý đơn đăng ký/hủy lớp học phần:

Khoa Quản lý sinh viên/Viện Đào tạo quốc tế tiếp nhận đơn từ sinh viên và tổng hợp gửi về Phòng QLĐT từ ngày 19/08/2022 đến hết ngày 24/08/2022.

* **Lưu ý**: Yêu cầu sinh viên kiểm tra tài khoản đăng kí trước khi làm đơn. Phòng Quản lý đào tạo chỉ xử lý đơn hủy, và những đơn chưa đăng kí đủ số tín chỉ, ưu tiên sinh viên khóa 10 trở về trước.

5. Hình thức đào tạo: Trực tiếp tại Học viện

Học viện sẽ giảng dạy và học tập trực tiếp toàn bộ các lớp học phần. Trong trường hợp bất khả kháng không thể tổ chức dạy trực tiếp tại Học viện, có thể kết hợp giảng dạy trực tuyến qua ứng dụng Google Meet và LMS (do Giám đốc quyết định bằng văn bản).

6. Để đảm bảo công tác giảng dạy được thực hiện đúng kế hoạch, Học viện Chính sách và Phát triển đề nghị các đơn vị thực hiện như sau:

- Trưởng các Khoa/Bộ môn gửi kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy, thông báo đến cố vấn học tập, giảng viên và sinh viên được biết và thực hiện. Kế hoạch phân công giảng viên gửi về Phòng Quản lý Đào tạo (*đ/c Thơ*) ***trước 16h00 thứ 3, ngày 16/08/2022***.

- Trung tâm Hỗ trợ đào tạo chuẩn bị giảng đường, trang thiết bị phục vụ học tập và bố trí cán bộ trực phục vụ công tác giảng dạy theo kế hoạch.

Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của mình, các đơn vị cần chủ động triển khai và phối hợp thực hiện Thời khóa biểu Học kỳ I năm học 2022 - 2023. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh những vấn đề cần giải quyết các đơn vị cần báo cáo với Ban Giám đốc (qua Phòng Quản lý đào tạo).

Đề nghị cán bộ, giảng viên và sinh viên nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:
- Ban Giám Đốc (để báo cáo);
- Các đơn vị thuộc H/v (để t/hiện);
- Bộ phận quản lý website (đăng thông tin);
- Lưu: TC-HC, P.QLĐT (2 bản).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

TS. Nguyễn Thế Hùng

THỜI KHOÁ BIỂU ĐỢT HỌC 1, HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022 - 2023, KHÓA 10 - HỆ ĐẠI TRÀ
(09 TUẦN, TỪ NGÀY 22/08/2022 - 23/10/2022)

(Ban hành kèm theo Thông báo số 134 /TB-HVCSPT ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Học viện Chính sách và Phát triển)

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tín chỉ	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
					Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
1	Chứng khoán phái sinh(1-2223)_TCĐT10	70	3	5															6-7	C301					3-5	C301		
2	Đấu thầu xây lắp(1-2223)_ĐTH10	50	2	4									2-5	C410														
3	Định giá tài sản(1-2223)_ĐT10	90	3	5	3-5	C302																	6-7	C302				
4	Định giá tài sản(1-2223)_TC10+TCĐT10	90	3	5	1-2	C302																	8-10	C302				
5	Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP(1-2223)_KTĐN10	70	2	4																			6-9	C303				
6	Học máy và trí tuệ nhân tạo(1-2223)_PTDL10	50	3	5											8-10	C302			6-7	C404								
7	Kế hoạch phát triển(1-2223)_KHPT10+KTPT10	70	3	5	1-3	C303																			1-2	C301		
8	Kế toán hành chính sự nghiệp(1-2223)_QLC10+KTQLC10	70	3	5							6-7	C301			8-10	C301												
9	Kế toán thực hành(1-2223)_KTKT10A	50	3	6							6-9	C403 Tin học					1-4	C403 Tin học										
10	Kế toán thực hành(1-2223)_KTKT10B	50	3	6					1-4	C403 Tin học			1-4	C403 Tin học														
11	Kiểm toán tài chính(1-2223)_01	70	3	5													3-5	C301			1-2	C302						
12	Lập hồ sơ mời thầu và Đánh giá hồ sơ dự thầu(1-2223)_ĐTH10	50	4	8							6-9	C410									1-4	C410						
13	Logistics trong doanh nghiệp(1-2223)_KHPT10+KTPT10	70	3	5									1-2	C303													8-10	C308
14	Luật đầu tư quốc tế(1-2223)_LKT10	70	3	5	1-2	C301					8-10	C301																
15	Marketing Ngân hàng(1-2223)_02	70	3	5													1-2	C303			3-5	C301						
16	Marketing Ngân hàng(1-2223)_NH10	70	3	5											8-10	C303			6-7	C501								
17	Phân tích báo cáo tài chính(1-2223)_KTKT10	90	3	5			6-7	C302													3-5	C302						
18	Phân tích dữ liệu lớn với R(1-2223)_PTDL10	50	4	8							6-9	C303									1-4	C303						

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tín chỉ	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
					Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
19	Pháp luật lao động(1-2223)_LKT10	70	4	8									2-5	C404					7-10	C503								
20	Quản lý dự án đầu tư(1-2223)_QTDN10	90	3	5			8-10	C302					1-2	C302														
21	Quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức công(1-2223)_QLC10+KTQLC10	40	3	5	3-5	C410			1-2	C410																		
22	Quản trị chuỗi cung ứng(1-2223)_03	70	3	5					3-5	C302							1-2	C301										
23	Quản trị chuỗi cung ứng(1-2223)_QTDN10	90	3	5							8-10	C302							6-7	C302								
24	Quản trị chuỗi cung ứng(1-2223)_TMQT10	90	3	5							6-7	C302					3-5	C302										
25	Thanh toán quốc tế(1-2223)_KTĐN10	70	3	5									3-5	C301					6-7	C303								
26	Thanh toán quốc tế(1-2223)_NH10+KHPT10	70	3	5											6-7	C302	3-5	C303										
27	Tổ chức điều hành và quản lý công sở(1-2223)_QLC10+KTQLC10	40	3	5	1-2	C410			3-5	C410																		
28	Truyền thông Marketing tích hợp(1-2223)_QTDN10	90	3	5									3-5	C302			1-2	C302										
29	Vận tải quốc tế(1-2223)_TMQT10	70	2	4			6-9	C301																				

THỜI KHOÁ BIỂU ĐỢT HỌC 1, HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022 - 2023, KHÓA 10 - HỆ CHẤT LƯỢNG CAO
(09 TUẦN, TỪ NGÀY 22/08/2022 - 23/10/2022)

(Ban hành kèm theo Thông báo số 154 /TB-HVCSPT ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Học viện Chính sách và Phát triển)

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tín chỉ	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
					Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
1	Đàm phán(1-2223-1)_EN_CLC01	16	3	5							6-8	C307							9-10	C305								
2	Định giá tài sản(1-2223-1)_EN_CLC01	19	3	5															6-8	C305			6-7	C405				
3	Logistic và vận tải quốc tế(1-2223-1)_EN_CLC01	29	3	5					1-3	C311											4-5	C405						
4	Logistic và vận tải quốc tế(1-2223-1)_EN_CLC02	29	3	5					4-5	C311											1-3	C405						
5	Quản trị dự án(1-2223-1)_EN_CLC01	16	3	5			9-10	C311					1-3	C405														
6	Quản trị nhân lực(1-2223-1)_EN_CLC01	16	3	5			6-8	C311					4-5	C405														
7	Tài chính quốc tế(1-2223-1)_VN_CLC01	39	3	5					1-3	C405							4-5	C405										
8	Tài chính quốc tế(1-2223-1)_VN_CLC02	39	3	5					4-5	C405							1-3	C405										
9	Thuế và hệ thống thuế(1-2223-1)_EN_CLC01	39	3	5	1-3	C405																			4-5	C405		
10	Thuế và hệ thống thuế(1-2223-1)_EN_CLC02	39	3	5	4-5	C405																			1-3	C405		

THỜI KHOÁ BIỂU ĐỢT HỌC 1, HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022 - 2023, KHÓA 11 - HỆ ĐẠI TRÀ
(09 TUẦN, TỪ NGÀY 22/08/2022 - 23/10/2022)

(Ban hành kèm theo Thông báo số 134 /TB-HVCSPT ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Học viện Chính sách và Phát triển)

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tín chỉ	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
					Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
1	Đầu tư công(1-2223)_DTH+QLC	70	3	5			6-7	C402							8-10	C402												
2	Đầu tư quốc tế(1-2223)_KTDN	110	3	5									3-5	C308													6-7	C308
3	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh(1-2223)_QTDN+DL-K11	90	3	5					3-5	C402													8-9	C604				
4	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh(1-2223)_QTMA	90	3	5											6-7	C604			8-10	C602								
5	Hành vi người tiêu dùng(1-2223)_QTDN	90	3	5	3-5	C404									6-7	C702												
6	Kế toán tài chính 2(1-2223)_KTO01+TCKT	90	3	5			8-10	C604							6-7	C402												
7	Kế toán tài chính 2(1-2223)_KTO02	70	3	5			6-7	C601							8-10	C603												
8	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo(1-2223)_DL+QTDN	90	3	5									3-5	C304							4-5	C702						
9	Kiểm toán căn bản(1-2223)_KTO01+TCKT	90	3	5									1-2	C702							3-5	C304						
10	Kiểm toán căn bản(1-2223)_KTO02	70	3	5									3-5	C608							1-2	C603						
11	Kinh doanh quốc tế(1-2223)_KTĐN	90	3	5	1-2	C304									8-10	C304												
12	Kinh tế công cộng(1-2223)_KHPT	70	3	5	1-2	C603																					8-10	C603
13	Kinh tế công cộng(1-2223)_KTPT+QLC	70	3	5	3-5	C603																					6-7	C603
14	Kinh tế đầu tư(1-2223)_01	90	3	5			8-10	C402															6-7	C604				
15	Kinh tế đầu tư(1-2223)_KHPT	70	3	5															6-7	C605			8-10	C601				
16	Kinh tế phát triển(1-2223)_01	90	2	4					1-4	C602																		
17	Kinh tế phát triển(1-2223)_02	90	2	4													1-4	C402										

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tín chỉ	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
					Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
18	Kinh tế vi mô 2(1-2223)_DTU-A	90	3	5			6-7	C602													3-5	C602						
19	Kinh tế vi mô 2(1-2223)_DTU-B	90	3	5			8-10	C602													1-2	C602						
20	Kinh tế vi mô 2(1-2223)_PTDL	90	3	5							8-10	C304							6-7	C604								
21	Kinh tế vĩ mô 2(1-2223)_DTH	70	3	5							8-10	C603									1-2	C401						
22	Kinh tế vĩ mô 2(1-2223)_KTDN	90	3	5							6-7	C304									3-5	C402						
23	Luật So sánh(1-2223)_LU01	70	3	5			8-10	C601			6-7	C603																
24	Luật So sánh(1-2223)_LU02	70	3	5			6-7	C603			8-10	C601																
25	Luật thương mại(1-2223)_LU01	70	3	5									3-5	C601							1-2	C601						
26	Luật thương mại(1-2223)_LU02	70	3	5									1-2	C601							3-5	C601						
27	Lý thuyết Tài chính tiền tệ(1-2223)_PTDL	90	3	5	3-5	C604											1-2	C604										
28	Ngân hàng thương mại(1-2223)_TC	90	3	5	3-5	C304											1-2	C602										
29	Nguyên lý thống kê kinh tế(1-2223)_KHPT	70	3	5							6-7	C601									3-5	C603						
30	Nguyên lý thống kê kinh tế(1-2223)_KTPT+NH	90	3	5							8-10	C602									1-2	C604						
31	Nguyên lý thống kê kinh tế(1-2223)_PTDL+QLC	90	3	5					3-5	C604													6-7	C602				
32	Phương pháp nghiên cứu khoa học(1-2223)_DTu-A	90	3	5											8-10	C602									1-2	C602		
33	Phương pháp nghiên cứu khoa học(1-2223)_DTU-B	90	3	5											6-7	C602									3-5	C602		
34	Phương pháp nghiên cứu khoa học(1-2223)_KTO01+TCKT	90	3	5													3-5	C304					6-7	C304				
35	Phương pháp nghiên cứu khoa học(1-2223)_KTO02	70	3	5													1-2	C601					8-10	C603				
36	Phương pháp nghiên cứu khoa học(1-2223)_KTPT	70	3	5					3-5	C603															1-2	C601		
37	Phương pháp nghiên cứu khoa học(1-2223)_NH	50	3	5															6-7	C307					3-5	C601		

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tín chỉ	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
					Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
38	Phương pháp nghiên cứu khoa học(1-2223)_QTMA	90	3	5					1-2	C402													8-10	C304				
39	Phương pháp nghiên cứu khoa học(1-2223)_TC	90	3	5															8-10	C604					1-2	C304		
40	Phương pháp nghiên cứu khoa học(1-2223)_TMQT	90	3	5							8-10	C604											6-7	C402				
41	Quản trị chiến lược(1-2223)_DTU-A	90	3	5							6-7	C602					3-5	C702										
42	Quản trị chiến lược(1-2223)_DTU-B	90	3	5									3-5	C602			1-2	C702										
43	Quản trị học(1-2223)_K11_01	90	3	5					1-2	C302															3-5	C304		
44	Quản trị marketing(1-2223)_DL+QTMA	110	3	5							6-7	C308					3-5	C308										
45	Tài chính doanh nghiệp(1-2223)_01	70	2	4															6-9	C601								
46	Thẩm định dự án đầu tư(1-2223)_DTH	70	3	5	1-2	C601											3-5	C601										
47	Thẩm định dự án đầu tư(1-2223)_TC	90	3	5									1-2	C602							3-5	C604						
48	Thị trường chứng khoán(1-2223)_NH+LC	90	3	5	1-2	C604											3-5	C602										
49	Thương mại điện tử(1-2223)_01	70	3	5			8-10	C603									1-2	C603										
50	Thương mại quốc tế(1-2223)_TMQT	90	3	5			8-10	C304					1-2	C304														
51	Thương mại quốc tế(1-2223)_01	90	2	4			6-9	C408																				
52	Tiếng Anh du lịch(1-2223)_QTDL	40	3	5	1-2	C407									8-10	C410												

THỜI KHOÁ BIỂU ĐỢT HỌC 1, HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022 - 2023, KHÓA 11 - HỆ CHẤT LƯỢNG CAO
(09 TUẦN, TỪ NGÀY 22/08/2022 - 23/10/2022)

(Ban hành kèm theo Thông báo số 134 /TB-HVCSPT ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Học viện Chính sách và Phát triển)

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tín chỉ	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
					Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
1	Giới thiệu về hành vi tổ chức(1-2223-1)_EN_CLC01	16	3	5					1-2	C309							1-3	C309										
2	Marketing quốc tế(1-2223-1)_EN_CLC01	41	3	5					3-5	C309							4-5	C309										
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học(1-2223-1)_VN_CLC01	37	3	5			8-10	C405							6-7	C405												
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học(1-2223-1)_VN_CLC02	37	3	5			6-7	C405							8-10	C405												
5	Tài chính doanh nghiệp(1-2223-1)_EN_CLC01	37	3	5	1-3	C311											4-5	C307										
6	Tài chính doanh nghiệp(1-2223-1)_EN_CLC02	37	3	5			8-10	C407											6-7	C405								

THỜI KHOÁ BIỂU ĐỢT HỌC 1, HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022 - 2023, KHÓA 12 - HỆ ĐẠI TRÀ
(08 TUẦN, TỪ NGÀY 29/08/2022 - 23/10/2022)

(Ban hành kèm theo Thông báo số 134 /TB-HVCSPT ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Học viện Chính sách và Phát triển)

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tín chỉ	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
					Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
1	Chính sách công(1-2223)_QLNN	70	3	6											8-9	C504	1-4	C401										
2	Chính sách công(1-2223)_TCA_NH	90	3	6	1-2	C408															1-4	C408						
3	Chính sách công(1-2223)_TCB	70	3	6	3-4	C402											1-4	C701										
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học(1-2223)_KETOAN_A	70	2	4													1-4	C508										
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học(1-2223)_KETOAN_B	70	2	4											6-9	C401												
6	Chủ nghĩa xã hội khoa học(1-2223)_LUAT_A	70	2	4									1-4	C605														
7	Chủ nghĩa xã hội khoa học(1-2223)_TMQT_A	70	2	4							6-9	C503																
8	Chủ nghĩa xã hội khoa học(1-2223)_TMQT_B	70	2	4									1-4	C503														
9	Đấu thầu mua sắm 1(122)_01	90	3	6	3-5	C408											3-5	C604										
10	Đấu thầu mua sắm 1(1-2223)_02	90	3	6			6-9	C308															8-9	C404				
11	Đấu thầu mua sắm 1(1-2223)_DAUTHAU	70	3	6					1-4	C503							3-4	C503										
12	Đấu thầu mua sắm 1(1-2223)_QLNN	70	3	6	1-4	C605									6-7	C601												
13	Địa lý Kinh tế(1-2223)_01	90	3	6							6-9	C502											6-7	C502				
14	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh(1-2223)_KTDN	90	3	6									1-4	C402											1-2	C504		
15	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh(1-2223)_QTDN	70	3	6					1-2	C601													6-9	C508				
16	Giáo dục thể chất 3(1-2223)_DAUTHAU	70	2	4											6-9	San 2												
17	Giáo dục thể chất 3(1-2223)_DAUTU_A	90	2	4											6-9	San 1												

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tín chỉ	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
					Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
18	Giáo dục thể chất 3(1-2223)_DAUTU_B	90	2	4	1-4	San 1																						
19	Giáo dục thể chất 3(1-2223)_DLL	70	2	4					1-4	San 1																		
20	Giáo dục thể chất 3(1-2223)_KETOAN_A	70	2	4																					1-4	San 2		
21	Giáo dục thể chất 3(1-2223)_KETOAN_B	70	2	4													1-4	San 2										
22	Giáo dục thể chất 3(1-2223)_KHPT	50	2	4															6-9	San 4								
23	Giáo dục thể chất 3(1-2223)_KTDN	90	2	4																			6-9	San 1				
24	Giáo dục thể chất 3(1-2223)_KTKDS	70	2	4					1-4	San 4																		
25	Giáo dục thể chất 3(1-2223)_KTPT	70	2	4							6-9	San 2																
26	Giáo dục thể chất 3(1-2223)_LUAT_A	70	2	4																					1-4	San 1		
27	Giáo dục thể chất 3(1-2223)_LUAT_B	70	2	4															6-9	San 2								
28	Giáo dục thể chất 3(1-2223)_QLNN	70	2	4							6-9	San 1																
29	Giáo dục thể chất 3(1-2223)_QTDN	70	2	4																	1-4	San 1						
30	Giáo dục thể chất 3(1-2223)_QTMA_A	70	2	4					1-4	San 2																		
31	Giáo dục thể chất 3(1-2223)_QTMA_B	70	2	4									1-4	San 2														
32	Giáo dục thể chất 3(1-2223)_TCA_NH	70	2	4			6-9	San 2																				
33	Giáo dục thể chất 3(1-2223)_TCB	70	2	4																			6-9	San 2				
34	Giáo dục thể chất 3(1-2223)_TMQT_A	70	2	4									1-4	San 1														
35	Giáo dục thể chất 3(1-2223)_TMQT_B	70	2	4													1-4	San										
36	Kinh tế đầu tư(1-2223)_DAUTU_A	90	3	6	3-4	C602															1-4	C502						
37	Kinh tế đầu tư(1-2223)_DAUTU_B	90	3	6			6-7	C502									1-4	C504										

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tín chỉ	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
					Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
38	Kinh tế lượng(1-2223)_DLL	70	3	6			9-10	C605					1-4	C401														
39	Kinh tế lượng(1-2223)_KTKDS	70	3	6	1-2	C402															1-4	C508						
40	Kinh tế lượng(1-2223)_TCA_NH	90	3	6					1-2	C404					6-9	C404												
41	Kinh tế lượng(1-2223)_TCB	70	3	6					3-4	C404															1-4	C302		
42	Kinh tế quốc tế(1-2223)_01	70	3	6							8-9	C308							6-9	C408								
43	Kinh tế quốc tế(1-2223)_02	90	3	6							6-7	C604													1-4	C502		
44	Kinh tế vĩ mô 1(1-2223)_KETOAN_A	70	3	6					1-4	C608													6-7	C605				
45	Kinh tế vĩ mô 1(1-2223)_KETOAN_B	70	3	6							6-9	C605											8-9	C605				
46	Kinh tế vĩ mô 1(1-2223)_QTDN	70	3	6			6-9	C508							8-9	C601												
47	Kinh tế vi mô 2(1-2223)_KHPT	50	3	6	3-4	C505									6-9	C505												
48	Kinh tế vi mô 2(1-2223)_KTPT	70	3	6	1-2	C508																	6-9	C501				
49	Lập trình căn bản(1-2223)_DLL	70	3	6							6-7	C701									1-4	C703						
50	Lập trình căn bản(1-2223)_KTKDS	70	3	6							8-9	C701			6-9	C508												
51	Luật Dân sự(1-2223)_LUAT_A	70	4	8							6-9	C608			6-9	C503												
52	Luật Dân sự(1-2223)_LUAT_B	70	4	8									1-4	C501			1-4	C404										
53	Lý thuyết Tài chính tiền tệ(1-2223)_DAUTHAU	70	3	6			6-9	C501													1-2	C501						
54	Lý thuyết Tài chính tiền tệ(1-2223)_QTMA_A	90	3	6									1-2	C308									6-9	C408				
55	Lý thuyết Tài chính tiền tệ(1-2223)_QTMA_B	70	3	6							6-9	C408									3-4	C501						
56	Marketing căn bản(1-2223)_02	70	3	6									1-4	C408					6-7	C304								
57	Marketing căn bản(1-2223)_QTMA_A	90	3	6							6-9	C402			6-7	C408												

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tín chỉ	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
					Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
58	Marketing căn bản(1-2223)_QTMA_B	70	3	6					1-4	C408					8-9	C408												
59	Nguyên lý kế toán(1-2223)_LUAT_B	70	3	6							6-9	C404									3-4	C404						
60	Pháp luật kinh tế(1-2223)_DAUTU_A	90	3	6					1-4	C502							1-2	C502										
61	Pháp luật kinh tế(1-2223)_DAUTU_B	90	3	6					1-2	C504											1-4	C504						
62	Pháp luật kinh tế(1-2223)_KTDN	90	3	6							6-9	C504									1-2	C404						
63	Pháp luật kinh tế(1-2223)_TMQT_A	70	3	6	1-4	C503											3-4	C501										
64	Pháp luật kinh tế(1-2223)_TMQT_B	70	3	6			6-7	C503															6-9	C503				
65	Quản trị học(1-2223)_01	70	3	6			6-9	C404									1-2	C304										
66	Quản trị học(1-2223)_02	90	3	6	3-5	C502													8-10	C302								
67	Tiếng Anh cơ bản 3(1-2223)_01	70	3	6															6-9	C401					1-2	C303		
68	Tiếng Anh cơ bản 3(1-2223)_02	70	3	6													1-4	C608							3-4	C303		
69	Tiếng Anh cơ bản 3(1-2223)_03	70	3	6			6-9	C608													1-2	C701						
70	Tiếng Anh cơ bản 3(1-2223)_04	70	3	6	1-4	C401															3-4	C608						
71	Tiếng Anh cơ bản 3(1-2223)_05	70	3	6									1-2	C608									6-9	C608				
72	Tiếng Anh cơ bản 4(1-2223)_DAUTHAU	70	3	6	1-4	C501											1-2	C503										
73	Tiếng Anh cơ bản 4(1-2223)_DAUTU_A	90	3	6									1-4	C502					6-7	C502								
74	Tiếng Anh cơ bản 4(1-2223)_DAUTU_B	90	3	6											6-9	C502			6-7	C504								
75	Tiếng Anh cơ bản 4(1-2223)_DLL	70	3	6											6-9	C605							8-9	C502				
76	Tiếng Anh cơ bản 4(1-2223)_KETOAN_A	70	3	6	1-4	C608															1-2	C608						
77	Tiếng Anh cơ bản 4(1-2223)_KETOAN_B	70	3	6			6-9	C401													3-4	C401						

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tín chỉ	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
					Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
78	Tiếng Anh cơ bản 4(1-2223)_KHPT	50	3	6			6-9	C505									3-4	C505										
79	Tiếng Anh cơ bản 4(1-2223)_KTDN	90	3	6			6-9	C702									3-4	C502										
80	Tiếng Anh cơ bản 4(1-2223)_KTKDS	70	3	6									1-4	C508									6-7	C601				
81	Tiếng Anh cơ bản 4(1-2223)_KTPT	70	3	6					1-4	C508							1-2	C501										
82	Tiếng Anh cơ bản 4(1-2223)_LUAT_A	70	3	6	1-2	C404											1-4	C605										
83	Tiếng Anh cơ bản 4(1-2223)_LUAT_B	70	3	6	3-4	C601																			1-4	C503		
84	Tiếng Anh cơ bản 4(1-2223)_QLNN	70	3	6					1-4	C605									6-7	C508								
85	Tiếng Anh cơ bản 4(1-2223)_QTDN	70	3	6							6-9	C401							8-9	C508								
86	Tiếng Anh cơ bản 4(1-2223)_QTMA_A	90	3	6			6-7	C304													1-4	C308						
87	Tiếng Anh cơ bản 4(1-2223)_QTMA_B	70	3	6			8-9	C503															6-9	C401				
88	Tiếng Anh cơ bản 4(1-2223)_TCA_NH	90	3	6													1-4	C408					6-7	C404				
89	Tiếng Anh cơ bản 4(1-2223)_TCB	70	3	6															6-9	C608							6-7	C501
90	Tiếng Anh cơ bản 4(1-2223)_TMQT_A	70	3	6					1-4	C501											1-2	C503						
91	Tiếng Anh cơ bản 4(1-2223)_TMQT_B	70	3	6							6-9	C501									3-4	C503						
92	Tư tưởng Hồ Chí Minh(1-2223)_KHPT_KTPT	70	2	4																	1-4	C605						
93	Tư tưởng Hồ Chí Minh(1-2223)_02	70	2	4											6-9	C501												
94	Xã hội học(1-2223)_01	90	3	6			6-9	C504					1-2	C504														

THỜI KHOÁ BIỂU ĐỢT HỌC 1, HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022 - 2023, KHÓA 12 - HỆ CHẤT LƯỢNG CAO
(08 TUẦN, TỪ NGÀY 29/08/2022 - 23/10/2022)

(Ban hành kèm theo Thông báo số 134 /TB-HVCSPT ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Học viện Chính sách và Phát triển)

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tín chỉ	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
					Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
1	Giáo dục thể chất 3(1-2223-1)_VN_CLC01	46	2	4	1-4	San 2																						
2	Giáo dục thể chất 3(1-2223-1)_VN_CLC02	46	2	4			6-9	San 1																				
3	Giáo dục thể chất 3(1-2223-1)_VN_CLC03	46	2	4															6-9	San 1								
4	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(1-2223-1)_VN_CLC01	46	3	6					1-4	C305							1-2	C305										
5	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(1-2223-1)_VN_CLC02	46	3	6							6-9	C305					3-4	C305										
6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(1-2223-1)_VN_CLC03	46	3	6					1-2	C407													6-9	C311				
7	Nguyên lý kế toán(1-2223-1)_EN_CLC01	46	3	6									3-5	C311							3-5	C311						
8	Nguyên lý kế toán(1-2223-1)_EN_CLC02	46	3	6							6-7	C311															6-9	C311
9	Nguyên lý kế toán(1-2223-1)_EN_CLC03	46	3	6					1-4	C307															4-5	C311		
10	Pre IELTS 1.4(1-2223-1)_EN_CLC_A1	24	4	8															11-14	C305			11-14	C305				
11	Pre IELTS 1.4(1-2223-1)_EN_CLC_A2	24	4	8															11-14	C307			11-14	C307				
12	Tiếng Anh IELTS 1.4(1-2223-1)_EN_CLC_A1	24	6	12	1-4	C305							1-4	C305							1-4	C305						
13	Tiếng Anh IELTS 1.4(1-2223-1)_EN_CLC_A2	24	6	12	1-4	C307							1-4	C307							1-4	C307						
14	Tiếng Anh IELTS 1.4(1-2223-1)_EN_CLC_A3	24	6	12	1-4	C309							1-4	C309							1-4	C309						
15	Tiếng Anh IELTS 1.4(1-2223-1)_EN_CLC_A4	24	6	12			6-9	C305							6-9	C305							6-9	C305				
16	Tiếng Anh IELTS 1.4(1-2223-1)_EN_CLC_A5	24	6	12			6-9	C307							6-9	C307							6-9	C307				
17	Tiếng Anh IELTS 1.4(1-2223-1)_EN_CLC_A6	24	6	12			6-9	C309							6-9	C309							6-9	C309				

Ghi chú: *Các lớp Pre IELTS 1.4 học trực tuyến*